

Số: 1355 /QĐ-UBND

Long An, ngày 13 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả điểm số và xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Long An năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 926/KH-UBND ngày 25/3/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 1319/KH-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Long An về việc triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) của tỉnh Long An năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 2791/KH-UBND ngày 23/9/2024 của UBND tỉnh Long An về việc tiếp tục cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 7165/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của UBND tỉnh Long An về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho Sở Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Long An năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 12539/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Phương pháp luận và Bộ chỉ số DDCI tỉnh Long An năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 122/TTr-SKHĐT ngày 03/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả điểm số và xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Long An năm 2024 (chi tiết theo các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ kết quả DDCI tỉnh Long An năm 2024, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương thuộc ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (các cơ quan, đơn vị có đánh giá DDCI và có nhiệm vụ liên quan chỉ số PCI) và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương nghiên cứu, rà soát, phân tích kết quả đánh giá từng chỉ số thành phần trong Bộ chỉ số DDCI, xây dựng và triển khai Kế hoạch cải thiện các tiêu chí, chỉ số thành phần DDCI nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, tham mưu điều hành kinh tế của cơ quan, đơn vị mình, đóng góp vào cải cách môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Long An một cách bền vững hơn, phấn đấu duy trì vị trí top 05 trên bảng xếp hạng PCI cả nước.

Giao Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng kết quả DDCI hằng năm để đánh giá và phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đối với người đứng đầu Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có đánh giá DDCI và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Yuu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư “b/c”;
- Liên đoàn TM&CN Việt Nam (VCCI) “b/c”;
- Ban Pháp chế - VCCI “b/c”;
- TT.TU; TT HĐND tỉnh “b/c”;
- TT UBMTTQVN tỉnh Long An;
- CT; PCT.UBND tỉnh;
- Các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Huyện, Thị, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Long An; Đài PT&TH Long An;
- Các phòng: KTTC, THKSTTHC;
- TTHCC tỉnh, TTHCC cấp huyện;
- Lưu: VT; SKHĐT, Yen.

04/

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Út

PHỤ LỤC 1 - BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN VÀ XẾP HẠNG DDCI 2024 - KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

(Đính kèm Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Long An)

TT	Tên sở, ban, ngành	Điểm DDCI	Điểm chỉ số thành phần (Thang điểm 10)								
		(Thang điểm 100)	1. Thực hiện thủ tục hành chính	2. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	3. Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	4. Chi phí thời gian	5. Chi phí không chính thức	6. Cạnh tranh bình đẳng	7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	8. Hiệu lực thiết chế	Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững (*)
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	84,33	8,96	7,91	8,59	8,50	9,52	7,80	7,76	8,42	8,38
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	80,35	8,66	7,55	8,14	8,18	8,75	7,70	7,05	8,25	8,20
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	79,06	7,84	7,50	8,27	7,80	8,66	8,24	7,01	7,93	8,30
4	Sở Công Thương	78,88	8,34	7,85	7,98	7,81	8,37	7,25	7,32	8,18	8,14
5	Sở Y tế	78,64	8,63	7,39	8,23	7,92	8,59	7,39	6,97	7,79	8,08
6	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	77,05	7,89	7,19	7,48	7,84	9,20	7,30	7,09	7,65	8,10
7	Sở Khoa học và Công nghệ	76,03	7,75	7,13	7,55	7,51	8,62	7,68	6,95	7,63	7,49
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	75,88	7,65	6,84	7,70	7,55	8,00	7,92	7,32	7,72	7,88
9	Sở Xây dựng	75,79	8,05	7,38	7,86	7,55	7,78	7,22	6,78	8,01	8,00
10	Sở Tư pháp	75,73	8,06	7,07	7,67	7,71	8,00	7,68	6,87	7,52	8,24
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	75,64	7,81	7,29	7,75	7,62	7,91	7,35	7,13	7,65	7,99
12	Sở Thông tin và Truyền thông	75,55	7,90	7,12	7,60	7,82	7,68	7,20	7,24	7,88	7,51
13	Cục Thuế	75,53	7,69	7,22	7,55	7,55	8,28	7,68	6,87	7,58	7,97
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	75,51	8,06	7,10	7,46	7,46	9,07	7,21	6,63	7,42	8,07
15	Bảo hiểm xã hội	75,41	7,74	7,02	7,17	7,72	9,30	7,43	6,51	7,44	7,62
16	Sở Giao thông vận tải	74,84	7,98	7,40	7,56	7,76	8,18	6,99	6,55	7,45	7,85
17	Cục Hải quan	74,00	7,64	7,04	7,47	7,42	8,06	7,39	6,81	7,37	7,87
18	Công an tỉnh (PCCC)	73,94	7,76	7,08	7,53	7,51	7,99	7,11	6,76	7,41	8,12
19	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Long An	72,80	7,52	7,07	7,02	7,43	8,23	7,18	6,59	7,20	7,56

Ghi chú: (*) Chỉ số Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững không đưa vào đánh giá kết quả chung của DDCI

PHỤ LỤC 2 - BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN VÀ XẾP HẠNG DDCCI 2024 - KHỐI ĐỊA PHƯƠNG CẤP HUYỆN

(Đính kèm Quyết định số **1355** /QĐ-UBND ngày **13/02/2025** của UBND tỉnh Long An)

TT	Tên địa phương cấp huyện	Điểm DDCCI	Điểm chỉ số thành phần (Thang điểm 10)									
		(Thang điểm 100)	1. Thực hiện thủ tục hành chính	2. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	3. Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	4. Chi phí thời gian	5. Chi phí không chính thức	6. Cạnh tranh bình đẳng	7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	8. Hiệu lực thiết chế	9. Tiếp cận đất đai	Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững (*)
1	Huyện Tân Trụ	86,83	8,86	8,65	8,36	8,46	9,38	8,62	8,00	9,06	8,76	8,50
2	Huyện Châu Thành	85,43	8,82	7,58	8,34	8,47	9,09	8,67	8,01	9,25	8,66	8,16
3	Huyện Cần Giuộc	83,70	8,41	8,35	8,26	8,15	8,83	8,26	8,21	8,43	8,43	8,12
4	Huyện Thủ Thừa	82,77	8,77	7,88	8,07	7,94	9,25	8,70	7,56	8,61	7,71	8,61
5	Huyện Mộc Hóa	80,84	8,11	6,52	7,60	7,46	9,98	10,00	7,08	7,93	8,08	7,29
6	Huyện Đức Huệ	80,30	8,06	7,31	7,42	7,69	9,60	8,70	6,90	8,55	8,04	7,87
7	Huyện Tân Thạnh	79,59	8,34	7,23	7,64	7,41	9,74	7,64	7,18	8,38	8,07	8,22
8	Thị xã Kiến Tường	79,50	8,51	7,81	7,42	8,00	8,49	7,70	7,62	8,18	7,82	7,97
9	Huyện Cần Đước	78,66	8,19	7,61	7,83	7,97	8,47	7,30	7,47	8,09	7,86	7,96
10	Huyện Đức Hòa	76,72	7,94	7,27	7,49	7,50	8,94	7,57	7,02	7,89	7,43	8,06
11	Huyện Vĩnh Hưng	75,79	7,73	7,24	7,31	6,96	8,45	8,30	7,01	7,56	7,65	7,35
12	Huyện Bến Lức	74,33	7,68	6,91	7,23	7,54	8,77	7,27	6,91	7,57	7,02	7,33
13	Huyện Tân Hưng	71,86	7,62	6,86	7,65	7,10	8,20	6,04	6,61	7,53	7,06	7,28
14	Thành phố Tân An	69,93	7,26	6,41	6,64	7,09	8,81	6,70	6,16	7,04	6,83	7,39
15	Huyện Thạnh Hóa	69,59	7,19	6,73	6,37	7,28	8,00	6,59	6,32	7,41	6,74	6,79

Ghi chú: (*) Chỉ số Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững không đưa vào đánh giá kết quả chung của DDCCI